



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Máy biến áp lực**

Laboratory: **Power Transformer Testing Laboratory.**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Công ty TNHH Sông Hồng Việt**

Organization: **Branch of Song Hong Viet Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1506**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện-Điện tử**

Field: **Electrical-Electronic**

Người quản lý: **Nguyễn Tiến Thắng**

Laboratory manager: **Nguyen Tien Thang**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / 7 / 2026 đến ngày / 7 / 2031**

Địa chỉ: **Nhà A, Lô CN-9, Khu CN Đồng Văn IV, phường Kim Thanh, tỉnh Ninh Bình**

Address: **Building A, Lot CN-09 Dong Van IV Industrial Park, Kim Thanh ward, Ninh Binh province**

Địa điểm: **Nhà A, Lô CN-9, Khu CN Đồng Văn IV, phường Kim Thanh, tỉnh Ninh Bình**

Location: **Building A, Lot CN-09 Dong Van IV Industrial Park, Kim Thanh ward, Ninh Binh province**

Điện thoại/ Tel: **0934080980**

Email: **pttest.cnshv@gmail.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1506

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Máy biến áp điện lực (loại ngâm trong dầu) Power transformers (oil-immersed type)	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Điện áp thử/ <i>Applied voltage:</i> 500/ 1 000/ 2 500/ 5 000/ 10 000 V _{DC} Điện trở/ <i>Resistance</i> Đến/ <i>To</i> 20 TΩ	IEEE C57.12.90-2021
2.		Đo tỷ số biến áp và kiểm tra độ lệch pha <i>Measurement of voltage ratio and check of phase displacement</i>	(1,0 ~ 100 000)	IEEE C57.12.90-2021
3.		Đo điện trở một chiều cuộn dây <i>Measurement of DC winding resistance</i>	Đến/ <i>To</i> : 300 kΩ	IEEE C57.12.90-2021
4.		Đo công suất lấy từ quạt và động cơ bơm chất lỏng <i>Measurement of the power taken by the fan and liquid pump motors</i>	Đến/ <i>To</i> 5 kW	IEEE 112-2017
5.		Thử rò rỉ khi chịu áp suất đối với máy biến áp ngâm trong chất lỏng (thử nghiệm độ kín) <i>Leak testing with pressure for liquid- immersed transformers (tightness test)</i>	Áp suất đến/ <i>Pressure</i> Đến/ <i>To</i> 0,35 bar (35 kPa)	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011
6.	Máy biến áp điện lực (loại ngâm trong dầu và loại khô) Power transformers (oil-immersed, dry-type)	Đo góc tổn hao điện môi (tan δ) và điện dung cách điện của các cuộn dây và các sứ cao thế <i>Measurement of dielectric dissipation factor (tan δ) and insulation capacitance of windings and HV bushings</i>	Điện áp thử/ <i>Applied voltage:</i> Đến/ <i>To</i> 12 kV Điện dung/ <i>Capacitance:</i> Đến/ <i>To</i> : 100 μF	IEEE C57.12.90-2021
7.		Đo tổn hao không tải và dòng điện không tải <i>Measurement of no-load loss and no-load current</i>	Đến/ <i>To</i> 100 kW	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011
8.		Thử trên bộ chuyển đổi nấc điều chỉnh có tải - Thử vận hành <i>Test on on-load tap-changers — Operation test</i>	---	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011
9.		Đo tổn hao có tải và trở kháng ngắn mạch <i>Measurement of load loss and short- circuit impedance</i>	Đến/ <i>To</i> 500 kW	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1506

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Máy biến áp điện lực (loại ngâm trong dầu và loại khô) <i>Power transformers (oil-immersed, dry-type)</i>	Thử xung sét <i>Lightning impulse test</i>	Đến/ To 1 600 kV	TCVN 6306-3:2006 IEC 60076-3:2018
11.		Thử điện áp chịu thử AC nguồn riêng tần số công nghiệp <i>Applied voltage withstand test at power frequency</i>	Đến/ To 300 kV	TCVN 6306-3:2006 IEC 60076-3:2018
12.		Thử điện áp AC cảm ứng <i>Induced voltage withstand test</i>	Đến/ To 200 Hz	TCVN 6306-3:2006 IEC 60076-3:2018
13.		Đo phóng điện cục bộ <i>Measurement of partial discharge</i>	Đến/ To 10 000 pC	IEC 60076-3:2018
14.		Xác định mức âm thanh <i>Determination of sound levels</i>	Đến/ To 130 dB	TCVN 6306-10:2018 IEC 60076-10:2016
15.		Đo (các) trở kháng thứ tự không trên máy biến áp ba pha <i>Measurement of zero-sequence impedance(s) of three-phase transformers</i>	Đến/ To 250 MVA	TCVN 6306-1:2015 IEC 60076-1:2011
16.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise type test</i>	Đến/ To 250 MVA	TCVN 6306-2:2006 IEC 60076-2:2011
17.		Đo đáp ứng tần số quét <i>Measurement of sweep frequency response analysis (SFRA)</i>	10 Hz ~ 10 MHz Đến/ To 120 dB	IEC 60076-18:2012
18.		Đo đáp ứng tần số điện môi (DFR) <i>Measurement of dielectric frequency response (DFR)</i>	Điện dung đến/ <i>Capacitance:</i> 10 pF ~ 100 µF Hệ số tổn hao điện môi/ <i>DDF (Dielectric Dissipation Factor</i> Đến/ To 100 % Tần số quét/Sweep <i>Frequency:</i> 0,1 mHz ~ 10 kHz	IEEE C57.161-2018
19.	Máy biến dòng <i>Current Transformer</i>	Thử cách điện của dây phụ trợ <i>Test Insulation of Auxiliary wiring</i>	Đến/ To 10 kV	IEC 60076-3:2018
20.		Xác định tỷ số và cực tính <i>Determination of ratios, polarity</i>	Đến/ To 20 000	IEEE C57.13-2016
21.		Thử điện áp đánh thủng <i>Dielectric oil breakdown voltage test</i>	Đến/ To 80 kV	IEC 60156:2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1506**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
22.	Máy biến áp điện lực (loại khô) Power transformers (dry-type)	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Điện áp thử/ <i>Applied voltage:</i> 500/ 1 000/ 2 500/ 5 000/ 10 000 V _{DC} Điện trở/ <i>Resistance</i> Đến/ <i>To</i> 20 TΩ	IEEE C57.12.91-2021
23.		Đo tỷ số biến áp và kiểm tra độ lệch pha <i>Measurement of voltage ratio and check of phase displacement</i>	(1,0 ~ 100 000)	IEEE C57.12.91-2021
24.		Đo điện trở một chiều cuộn dây <i>Measurement of DC winding resistance</i>	Đến/ <i>To</i> : 300 kΩ	IEEE C57.12.91-2021

Ghi chú/Noted:

- IEEE: *Institute of Electrical and Electronics Engineers;*
- IEC: *International Electrotechnical Commission;*
- TCVN: *Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam / Vietnam National Standard.*

Trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH Sông Hồng Việt cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi nhánh Công ty TNHH Sông Hồng Việt phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is Branch of Song Hong Viet Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

